DANH MỤC TÀI LIỆU
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015
UBND XÃ PHỦ LÝ NĂM 2023

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành				Ghi chú
			1	2	3	4	
A.	**TÀI LIỆU CHUNG CỦA HỆ THỐNG**						
1	Sổ tay chất lượng - Chính sách chất lượng - Mục tiêu chất lượng	- STCL - CSCL - MTCL	1				
2	Mô hình quản lý HTCL						
3	Quy trình kiểm soát thông tin	QT.UBND.01					
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.UBND.02					
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT.UBND.03					
6	Quy trình kiểm soát rủi ro	QT.UBND.04					
7	Quy trình xem xét của lãnh đạo	QT.UBND.05					
B.	**QUY TRÌNH NỘI BỘ**						
1.	Quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.VP.01					
2.	Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT.VP.02					
C.	**QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**						
I.	**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**						
*	**Lĩnh vực Hộ tịch**						
1	Quy trình Đăng ký khai sinh	QT.HT.01					
2	Quy trình Đăng ký kết hôn	QT.HT.02					
3	Quy trình Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.03					
4	Quy trình Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT.HT.04					
5	Quy trình Đăng ký khai tử	QT.HT.05					
6	Quy trình Đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.06					
7	Quy trình Đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.07					
8	Quy trình Đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.08					
9	Quy trình Đăng ký giám hộ	QT.HT.09					
10	Quy trình Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.10					

11	Quy trình Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.11					
12	Quy trình Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.12					
13	Quy trình Đăng ký lại khai sinh	QT.HT.13					
14	Quy trình Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.14					
15	Quy trình Đăng ký lại kết hôn	QT.HT.15					
16	Quy trình Đăng ký lại khai tử	QT.HT.16					
17	Quy trình Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.HT.17					
*	**THỦ TỤC LIÊN THÔNG**						
1	Quy trình Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.LTHT.01					
2	Quy trình Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.LTHT.02					
*	**Lĩnh vực Chứng thực**						
1	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.01					
2	Quy trình Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.02					
3	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.03					
4	Quy trình Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.04					
5	Quy trình Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.05					
6	Quy trình Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.06					
7	Quy trình Chứng thực di chúc	QT.CT.07					
8	Quy trình Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.08					
9	Quy trình Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.09					
10	Quy trình Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	QT.CT.10					
11	Quy trình Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.11					
*	**Lĩnh vực Nuôi con nuôi (02 TTHC)**						
1	Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.01					

2	Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.02					
*	**Lĩnh vực tuyên truyền viên pháp luật (02 TTHC)**						
1	Quy trình Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBPL.01					
2	Quy trình Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT.PBPL.02					
*	**Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)**						
1	Quy trình Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT.HG.01					
2	Quy trình Công nhận hòa giải viên	QT.HG.02					
3	Quy trình Thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.HG.03					
4	Quy trình Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.HG.04					
*	**Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)**						
1	Quy trình Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01					
II.	**LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 TTHC)**						
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.01					
2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.NV.02					
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QT.NV.03					
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	QT.NV.04					
5	Thủ tục xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT.NV.05					
6	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.NV.06					
7	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.NV.07					
8	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.08					
9	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.NV.09					
10	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tông giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.NV.10					
11	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.11					
12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.NV.12					
13	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.NV.13					
14	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.14					

15	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.15					
III.	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)**						
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.GDĐT.01					
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDĐT.02					
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.03					
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.GDĐT.04					
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GDĐT.05					
IV.	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (10 TTHC)**						
1	Đăng ký lai phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.GTVT.01					
2	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.GTVT.02					
3	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GTVT.03					
4	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GTVT.04					
5	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.GTVT.05					
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.GTVT.06					
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GTVT.07					
8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GTVT.08					
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.GTVT.09					
10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.GTVT.10					
V.	**LĨNH VỰC DÂN TỘC (02TTHC)**						
1	Thủ tục Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.01					
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02					
VI.	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI (45 TTHC)**						
1	Quy trình Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.01					

2	Quy trình Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT.NCC.02					
3	Quy trình Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	QT.NCC.03					
4	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC.04					
5	Quy trình Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCC.05					
6	Quy trình Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.06					
7	Quy trình Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC.07					
8	Quy trình Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.08					
9	Quy trình Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.09					
10	Quy trình Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.NCC.10					
11	Quy trình Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	QT.NCC.11					
12	Quy trình Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.NCC.12					
13	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	QT.NCC.13					
14	Quy trình Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC.14					
15	Quy trình Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT.NCC.15					
16	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.16					

17	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.17					
*	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (17 TTHC)**						
1	Quy trình Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.01					
2	Quy trình Cấp Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.02					
3	Quy trình Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.BTXH.03					
4	Quy trình Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.BTXH.04					
5	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.BTXH.05					
6	Quy trình Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BTXH.06					
7	Quy trình Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.BTXH.07					
8	Quy trình Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.BTXH.08					
9	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.BTXH.09					
10	Quy trình Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT.BTXH.10					
12	Quy trình Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.BTXH.11					
12	Quy trình Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH.12					
13	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.BTXH.13					
14	Quy trình Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.BTXH.14					
15	Quy trình Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.BTXH.15					
16	Quy trình Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.BTXH.16					

17	Quy trình Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.17					
*	**Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (02 TTHC)**						
1	Quy trình Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT.PCTN.01					
2	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT.PCTN.02					
*	**Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)**						
1	Quy trình Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.01					
2	Quy trình Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.TE.02					
3	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.TE.03					
4	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.TE.04					
5	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.TE.05					
6	Quy trình Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.TE.06					
*	**Lĩnh vực Việc làm (03 TTHC)**						
1	Quy trình Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QT.VL.01					
2	Quy trình Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	QT.VL.02					
3	Quy trình Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QT.VL.03					
VII.	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO (07TTHC)**						
	Lĩnh vực gia đình						
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	QT.VHTDTT.01					
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT.VHTDTT.02					
	Lĩnh vực lễ hội						
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT.VHTDTT.03					

	Lĩnh vực thư viện						
4	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT.VHTDTT.04					
5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện, đối với thư viện cộng đồng	QT.VHTDTT.05					
6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QT.VHTDTT.06					
	Lĩnh vực Thể dục thể thao						
7	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thê thao cơ sở	QT.VHTDTT.07					
III.	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (8 TTHC)**						
*	**LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**						
1	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.NNPTNT.01					
2	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.NNPTNT.02					
3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.NNPTNT.03					
*	**LĨNH VỰC THỦY LỢI**						
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.NNPTNT.01					
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	QT.NNPTNT.02					
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	QT.NNPTNT.03					
*	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**						
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.NNPTNT.01					
*	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.NNPTNT.02					
IX.	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG (10 TTHC)**						
1	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.TNMT.01					
2	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT.TNMT.02					
3	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.TNMT.03					

4	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT.TNMT.04					
5	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm	QT.TNMT.05					
6	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sỡ hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.TNMT.06					
7	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hằng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT.TNMT.07					
8	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.TNMT.08					
*	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**						
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNMT.01					
2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT.TNMT.02					
X.	**LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (03 TTHC)(**QĐ 2968/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh) QĐ 1653/QĐ-UBND ngày 14/7/2022						
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01					
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.TCD.02					
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại tại cấp xã	QT.KNTC.03					
4	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.04					
XI	**LĨNH VỰC CÔNG AN: 22 thủ tục**						
*	Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo (của Công an) (02 TTHC)						
1	Thủ tục 1: Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	QTLVCA.01					
2	Thủ tục 2: Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	QTLVCA.02					
*	Lĩnh vực quản lý xuất, nhập cảnh (01 TTHC)						
1	Thủ tục 1: Khai báo thông tin tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam trên địa bàn bằng phiếu khai báo tạm trú (cấp xã)	QTLVCA.01					
*	Lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú (17 TTHC)						
1	Thủ tục 1: Đăng ký thường trú	QTLVCA.01					

2	Thủ tục 2: Tách sổ hộ khẩu	QTLVCA.02					
3	Thủ tục 3: Cấp đổi sổ hộ khẩu	QTLVCA.03					
4	Thủ tục 4: Cấp lại sổ hộ khẩu	QTLVCA.04					
5	Thủ tục 5: Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu	QTLVCA.05					
6	Thủ tục 6: Xóa đăng ký thường trú	QTLVCA.06					
7	Thủ tục 7: Cấp giấy chuyển hộ khẩu	QTLVCA.07					
8	Thủ tục 8: Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú	QTLVCA.08					
9	Thủ tục 9: Đăng ký tạm trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.09					
10	Thủ tục 10: Cấp sổ tạm trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.10					
11	Thủ tục 11: Cấp lại sổ tạm trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.11					
12	Thủ tục 12: Khai báo tạm vắng tại Công an cấp xã	QTLVCA.12					
13	Thủ tục 13: Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.13					
14	Thủ tục 14: Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.14					
15	Thủ tục 15: Gia hạn tạm trú tại Công an cấp xã	QTLVCA.15					
16	Thủ tục 16: Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật	QTLVCA.16					
17	Thủ tục 17: Hủy bỏ đăng ký tạm trú trái pháp luật tại Công an cấp xã	QTLVCA.17					
*	Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (02 TTHC)						
1	Thủ tục 1: Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã, phường, thị trấn	QTLVCA.01					
2	Thủ tục 2: Cấp giấy xác nhận khai báo vũ khí thô sơ	QTLVCA.02					
XII	**LĨNH VỰC QUÂN SỰ(14 TT)**						
*	**Lĩnh vực Dân quân tự vệ**						
1	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	QT.LVQS.01					
2	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.	QT.LVQS.02					
*	**Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự**						
3	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	QT.LVQS.03					
4	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	QT.LVQS.04					
5	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	QT.LVQS.05					
6	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QT.LVQS.06					

7	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QT.LVQS.07					
8	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QT.LVQS.08					
9	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	QT.LVQS.09					
*	**Lĩnh vực chính sách**						
10	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QT.LVQS.10					
11	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc *(đối tượng từ trần)*	QT.LVQS.11					
*	**Lĩnh vực động viên quân đội**						
12	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội *(chủ phương tiện là cá nhân)*	QT.LVQS.12					
13	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội *(chủ phương tiện là cá nhân)*	QT.LVQS.13					
*	**Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội**						
14	Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	QT.LVQS.14					
XIII	**KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ (03 TT)**						
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QT.KHĐT.01					
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	QT.KHĐT.02					
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.KHĐT.03					
XIV	**Y TẾ**						
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT.YT.01					
XV	**Lĩnh vực Chính sách thuế (01 TT)**						
1	Kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại UBND các xã, phường, thị trấn	QT.TC.01					